ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:2225 /QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 10 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi trung tu hợp phần Quốc lộ 1 - Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn đoạn Km45+100 - Km108+500, kết hợp tăng cường mặt đường Quốc lộ 1 đoạn Km1+800 - Km106+500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Văn bản số 1600/UBND-KT ngày 09/11/2023 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc chấp thuận sửa chữa trung tu hợp phần tăng cường

mặt đường Quốc lộ 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 164/TTr-SGTVT ngày 04/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi trung tu hợp phần Quốc lộ 1 - Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn đoạn Km45+100 - Km108+500, kết hợp tăng cường mặt đường Quốc L1 đoạn Km1+800 - Km106+500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT, với nhưng nội dung như sau:

1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn đoạn Km45+100-Km108+500, kết hợp tăng cường mặt đường Quốc lộ 1 đoạn Km1+800 - Km106+500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT. Hạng mục: Sửa chữa trung tu hợp phần Quốc lộ 1.

2. Người quyết định đầu tư:

- Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền: Uỷ ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện cơ quan Nhà nước có thẩm quyền: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Lạng Sơn.

3. Chủ đầu tư:

- Liên danh Công ty CP đầu tư hạ tầng giao thông Đèo Cả - Công ty Cổ phần Lizen - Công ty TNHH Hòa Hiệp - Công ty TNHH Xây dựng Mỹ Đà.

- Doanh nghiệp dự án: Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn.

Địa chỉ: Tầng 16, tháp văn phòng, toà nhà số 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. SĐT: 0243.221.6190.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

4.1. Mục tiêu đầu tư: khắc phục các hư hỏng, xuống cấp, xử lý các hạng mục như mặt đường, hệ thống an toàn giao thông, công trình thoát nước... nhằm đảm bảo và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của công trình trong quá trình khai thác.

4.2. Quy mô đầu tư xây dựng

4.2.1. Quy mô:

- Sữa chữa hư hỏng mặt đường: trên cơ sở nền, mặt đường hiện tại đoạn Km1+800 - Km106+500 tuyến Quốc lộ 1, tỉnh Lạng Sơn và tỉnh Bắc Giang với quy mô đường cấp II - Miền núi, tiến hành sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường bằng bê tông nhựa tương đương với kết cấu mặt đường cũ:

+ Địa phận thành phố Lạng Sơn và huyện Cao Lộc: đoạn từ Km17+250 - Km17+285.

+ Địa phận huyện Chi Lăng: đoạn từ Km33+782 - Km34+040; Km34+963 - Km35+000; Km37+050 - Km38+100; Km38+170 - Km38+293; Km38+330 - Km533; Km38+564 - Km38+650; Km38+812 - Km38+826; Km38+842 - Km38+868; Km38+943 - Km39+025; Km39+200 - Km285;

Km39+300 - Km39+500; Km40+050 - Km40+070; Km41+600 - Km41+955; Km42 - Km42+150.

+ Địa phận Hữu Lũng: đoạn từ Km78+759 - Km78+853 và đường rẽ vào xã Yên Vượng; Km80+514 - Km80+865 và Km84+870 - Km84+915 nút giao Hữu Lũng.

- Sữa chữa hệ thống an toàn giao thông: sửa chữa hệ thống an toàn giao thông (phạm vi từ Km1+800 - Km112+040): tận dụng hệ thống hộ lan mềm, vạch sơn, cột tiêu, cột lý trình, biển báo hiệu đường bộ,... hiện có và sơn sửa hoặc xây dựng mới các vị trí cần thiết.

- Sữa chữa hệ thống thoát nước: gia cố lề tại các đoạn lề hiện trạng là lề đất tiếp giáp với rãnh dọc xây mới tại các khu vực đông dân cư, vị trí cần thiết xây dựng bằng rãnh BTXM + nắp đậy tấm đan BTCT, gồm các đoạn Km63 - Km66+800 thuộc địa phận huyện Chi Lăng và Km91 - Km94+400 thuộc địa phận huyện Hữu Lũng.

- Sữa chữa hệ thống chiếu sáng, đèn tín hiệu: sửa chữa hệ thống chiếu sáng đoạn từ Km1+800 - Km22; hệ thống đèn tín hiệu đoạn từ Km12+00 - Km105+500; hệ thống đèn tín hiệu giao thông chớp vàng đoạn từ Km3+100 - Km109+020.

- Sữa chữa cầu: sửa chữa, thay thế các bộ phận hư hỏng không làm ảnh hưởng đến kết cấu chịu lực như sơn lan, tay vịn, khe co giãn...; thay thế ống thoát nước bị hỏng...; bổ sung bậc thang lên xuống tứ nón trên (tổng số 23 cầu).

- Sữa chữa trạm thu phí: sửa chữa khu vực thu phí; hệ thống ATGT; khu vực nhà ở công vụ và công trình phụ trợ.

4.2.2. Giải pháp thiết kế cơ sở các hạng mục chủ yếu

a) Sửa chữa phần nền, mặt đường: trên cơ sở mặt đường hiện hữu, tiến hành phân loại mức độ hư hỏng của mặt đường tuyến Quốc lộ 1 phạm vi từ Km1+800 - Km112+040 (L=110,2Km), đưa ra phương án thiết kế sửa chữa kết cấu mặt đường bằng phương pháp: cào bóc, đào bỏ kết cấu áo đường hư hỏng và hoàn trả lại kết cấu mặt đường theo kết cấu hiện trạng đảm bảo Eyc≥160MPa. Kết cấu mặt đường áp dụng cho từng loại cụ thể như sau:

- Kết cấu mặt đường tăng cường loại 1: áp dụng cho mặt đường bị bong bật, rạn nứt mạng lưới mức độ vừa và nhẹ, vết nứt chỉ xuất hiện ở lớp bê tông nhựa (BTN) trên cùng; mặt đường không bị hằn vệt bánh xe, làn sóng, xô dồn, bong bật tại Km17+250 - Km17+285, hoàn trả mặt đường với kết cấu giống với kết cấu mặt đường hiện hữu như sau:

+ Bê tông nhựa Polime 12,5 dày 5cm;

+ Tưới dính bám bằng nhũ tương phân tách nhanh CRS-1 TC 0,5kg/m2.

- Kết cấu mặt đường tăng cường loại 2: áp dụng cho mặt đường bị bong bật, rạn nứt mai rùa, hằn lún vệt bánh xe mức độ vừa và nhẹ, các lớp BTN phía dưới bị hư hỏng; mặt đường bị rạn nứt mạng lưới mức độ nặng tại các đoạn Km37+050 - Km37+298; Km38+170 - Km38+293; Km38+330 - Km533; Km38+564 - Km38+650; Km38+812 - Km38+826; Km38+842 - Km38+868; Km38+943 - Km39+025; Km39+200 - Km285; Km39+300 - Km39+500;

Km40+050 - Km40+070; Km78+759 - Km78+853; Km80+514 - Km80+865 và Km84+870 - Km84+915, hoàn trả kết cấu mặt đường theo kết cấu mặt đường hiện hữu như sau:

+ Bê tông nhựa Polime 12,5 dày 5cm;

+ Tưới dính bám bằng nhũ tương phân tách nhanh CRS-1 TC 0,5kg/m^2 ;

+ Bê tông nhựa C19 dày 7cm;

+ Tưới dính bám bằng nhũ tương phân tách nhanh CRS-1 TC 0,5kg/m^2 .

- Kết cấu mặt đường tăng cường loại 3: áp dụng cho mặt đường bị bong bật, rạn nứt mai rùa, hằn lún vệt bánh xe mức độ vừa và nhẹ, các lớp BTN phía dưới cũng bị hư hỏng; mặt đường bị rạn nứt mạng lưới mức độ nặng tại các đoạn Km41+600 - Km41+955; Km42 - Km42+150, hoàn trả kết cấu mặt đường theo kết cấu mặt đường hiện hữu như sau:

+ Bê tông nhựa Polime 12,5 dày 5cm;

+ Tưới dính bám bằng nhũ tương phân tách nhanh CRS-1 TC 0,5kg/m^2 ;

+ Bê tông nhựa C19 dày 5cm;

+ Tưới dính bám bằng nhũ tương phân tách nhanh CRS-1 TC 0,5kg/m^2 .

- Kết cấu mặt đường tăng cường loại 4: áp dụng cho mặt đường bị bong bật, rạn nứt mai rùa, hằn lún vệt bánh xe mức độ vừa và nhẹ, các lớp BTN phía dưới cũng bị hư hỏng; mặt đường bị rạn nứt mạng lưới mức độ nặng tại Km34+963 - Km35+000, hoàn trả kết cấu mặt đường theo kết cấu mặt đường hiện hữu như sau:

+ Bê tông Polymer 12.5 dày: 5,0cm;

+ Tưới dính bám bằng nhũ tương phân tách nhanh CRS-1 TC 0,5kg/m^2 ;

+ Bê tông nhựa chặt 19 dày 4,0cm;

+ Tưới dính bám bằng nhũ tương phân tách nhanh CRS-1 TC 0,5kg/m^2 ;

+ Bê tông nhựa chặt 19 dày 5,0cm;

+ Tưới dính bám bằng nhũ tương phân tách nhanh CRS-1 TC 0,5kg/m^2 .

- Kết cấu mặt đường tăng cường loại 5: áp dụng cho mặt đường bị bong bật, rạn nứt mai rùa, hằn lún vệt bánh xe mức độ vừa và nhẹ, các lớp BTN phía dưới cũng bị hư hỏng; mặt đường bị rạn nứt mạng lưới mức độ nặng tại Km37+300 - Km38+100, hoàn trả kết cấu mặt đường theo kết cấu mặt đường hiện hữu như sau:

+Bê tông Polymer 12.5 dày: 5,0cm;

+ Tưới dính bám bằng nhũ tương phân tách nhanh CRS-1 TC 0,5kg/m^2

+ Bê tông nhựa chặt 19 dày 6,0cm;

+ Tưới dính bám bằng nhũ tương phân tách nhanh CRS-1 TC 0,5kg/m^2 .

+ Bê tông nhựa rỗng 25 dày 6,0cm;

+ Tưới dính bám bằng nhũ tương phân tách nhanh CRS-1 TC 0,5kg/m^2 .

b) Gia cố lề: Gia cố tại các đoạn lề hiện trạng là đất tiếp giáp với rãnh dọc xây mới.

- Kết cấu lề gia cố rộng 0,5m:

+ Gia cố lề BTXM-M250, đá 2x4cm, dày 15cm;

+ Lớp bạt dứa chống thấm;

+ Lớp móng CPDD loại II dày 10cm.

c) Hệ thống thoát nước

- Thiết kế rãnh hộp chữ nhật tại các khu vực đông dân cư, vị trí cần thiết... Do các đoạn rãnh dự kiến xây dựng qua khu vực dân cư, để đảm bảo chịu lực thiết kế rãnh + nắp đậy tấm đan bằng BTCT chịu lực; rãnh bê tông kết hợp cống tròn và hố thu gạch xây gạch bê tông.

- Thiết kế rãnh BTCT:

+ Lòng rãnh rộng B=60cm, sâu trung bình H= 87cm;

+ Nắp đậy bằng BTCT-M250, đá 1x2cm, dày 15cm;

+ Thân rãnh bằng BTCT- M250, đá 1x2cm, dày 15cm.

+ Lớp bạt dứa chống thấm.

+ Lớp đệm cpđd loại II, dày 10cm.

- Kết cấu hố thu:

+ Tấm đan và mũ mố bằng BTCT-M250, đá 1x2cm;

+ Hố thu bằng gạch bê tông xây vữa XM-M75;

+ Móng hố BTXM - M200, đá 1x2cm;

+ Đệm móng hố thu bằng đá dăm 2x4cm;

- Kết cấu cống tròn D100: Ống cống D100, BTCT-M300, dày 10cm; móng cống đệm đá dăm 2x4cm nối giữa hố thu thiết kế mới và hố thu hiện trạng.

d) Hệ thống an toàn giao thông

Tận dụng lại toàn bộ hệ thống an toàn giao thông hiện hữu (phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT); sửa chữa hoàn thiện vạch kẻ đường, đinh phản quang tim đường; sửa chữa bổ sung biển báo hiệu, hoàn trả hộ lan mềm; bổ sung cọc tiêu; bổ sung, thay thế mắt phản quang trên hộ lan mềm, cọc tiêu,... và các hệ thống an toàn giao thông khác phù hợp với QCVN 41:2019/BGTVT.

- Bổ sung hộ lan mềm tại các vị trí thượng, hạ lưu đầu cống. Các đoạn hư hỏng được thay thế bằng cột và tôn sóng mạ kẽm nhúng nóng. Kết cấu hộ lan mềm chiều dài tấm 3,32m bước cột 3m; chiều dài tấm 4,32 bước cột 4m.

- Hệ thống vạch sơn:

+ Sơn mới hệ thống vạch sơn kẻ đường các đoạn qua khu đông dân cư, ngã ba, ngã tư;

+ Sơn lại vạch sơn tim đường trên phạm vi toàn tuyến;

+ Tận dụng hệ thống đinh phản quang trên tuyến hiện có và bổ sung tại các đoạn cần thiết để tăng cường đảm bảo an toàn giao thông.

- Hệ thống cọc tiêu, cột H, cột Km:

+ Tận dụng hệ thống cọc tiêu, cột H, cột Km còn tốt hiện có trên tuyến. Bổ sung, thay thế tại các vị trí cần thiết, vị trí hư hỏng phù hợp với QCVN 41:2019/BGTVT.

- Hệ thống biển báo hiệu: tận dụng hệ thống biển báo còn tốt hiện có trên tuyến. Bổ sung biển báo tại các vị trí cần thiết, kết cấu như sau:

+ Thân cột biển báo bằng thép mạ kẽm D90, dày 3mm, mặt biển bằng tôn mạ kẽm dày 2mm, mặt biển dán màng phản quang 3M-3900 hoặc tương đương.

+ Móng cột biển báo bằng BTXM M200, đá 2x4.

e) Phần cầu

- Sửa chữa, thay thế các bộ phận bị hư hỏng, xuống cấp của 24 cầu mà không làm ảnh hưởng đến kết cấu chịu lực như: sơn lại lan can bê tông, tay vịn... theo QCVN 41: 2019/BGTVT;

- Thiết kế sửa chữa khe co giãn bị hư hỏng, xuống cấp;

- Thiết kế thay thế ống thoát nước bị hư hỏng bằng ống nhựa PVC, ống gang;

- Thiết kế bổ sung bậc thang lên xuống tứ nón bằng gạch chỉ xây vữa XM M75, rộng 60cm, chiều dài theo hiện trạng của từng vị trí cầu.

g) Trạm thu phí

Khu vực trạm thu phí, khu vực nhà ở công vụ và công trình phụ trợ: Sửa chửa, thay thế một số hạng mục, thiết bị đã xuống cấp; Sơn lại các công trình: trụ bê tông phân cách mềm, ông thép, vạch sơn mờ, trần tường bị ẩm mốc.

h) Hệ thống chiếu sáng

- Cải tạo, sửa chữa hệ thống chiếu sáng Quốc lộ 1 với phương án thay mới 505 bộ bóng đèn Led 200w, bổ sung thay mới cột thép bát giác 14 cột (trong đó 01 cột cao 9m và 13 cột cao 11m), kết hợp thay dây chiếu sáng đi ngầm và các phụ kiện.

- Sửa chữa hệ thống đèn tín hiệu giao thông tại ngã tư Phai Trần Km12+950; ngã tư Cầu Lường Km95+00; ngã tư Kép Km99+100.

- Sửa chữa hệ thống đèn chớp vàng:

+ Bổ sung 02 bộ đèn chớp vàng tại Km97+250 và Km97+520.

+ Thay thế, sửa chữa ác quy 12V/17AH do yếu bình lưu điện không ổn định tại 07 vị trí trên tuyến.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Liên danh Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng A2Z và Công ty TNHH kỹ thuật An Khánh.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:

- Địa điểm xây dựng: tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn.

- Diện tích đất sử dụng: trong phạm vi đường cũ.

7. Nhóm dự án; loại, cấp công trình:

- Loại, nhóm dự án: sửa chữa công trình giao thông đường bộ, nhóm C.

- Cấp công trình chính: Sửa chữa các hư hỏng để duy trì cấp kỹ thuật của đường hiện tại (Công trình giao thông, cấp II).

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

8.1. Số bước thiết kế: 02 bước.

8.2. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã hiệu
1	Tiêu chuẩn đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình	TCVN 9401:2012
2	Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình theo Tiêu chuẩn ngành	96 TCN 43-90
3	Đường ô tô – Tiêu chuẩn khảo sát	TCCS 31:2020/TCĐBVN
4	Tiêu chuẩn Khảo sát cho xây dựng – Nguyên tắc cơ bản	TCVN 4419:1987
5	Quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình phục vụ thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000 ban hành theo thông tư 68/2015/TT-BTNMT ngày 22/12/2015	TT 68/2015/TT-BTNMT
6	Mặt đường ô tô – Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3,0m	TCVN 8864:2011
7	Mặt đường ô tô – Phương pháp đo và đánh giá xác định độ bằng phẳng theo chỉ số độ gồ ghề quốc tế IRI	TCVN 8865:2011
8	Đường ô tô - yêu cầu thiết kế	TCVN 4054-05
9	Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	TCCS 38:2022/TCĐBVN
10	Gờ giảm tốc, gồ giảm tốc trên đường bộ - yêu cầu thiết kế	TCCS 34:2020/TCĐBVN
11	Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 2737-2023
12	Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng đường, đường phố và quảng trường	TCVN 7722:2007
13	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41:2019/BGTVT
14	Bảo dưỡng thường xuyên đường bộ- Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 14182: 2024
15	Nhũ tương nhựa đường a xit – Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 8817-1:2011
16	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng-Thi công và nghiệm thu- Phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường	TCVN 13567-1 : 2022
17	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng-Thi công và nghiệm thu- Phần 2: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường polyme	TCVN 13567-2 : 2022
18	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình chiếu sáng	QCVN 07-7:2016/BXD
19	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả.	QCVN 09: 2017/BXD

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã hiệu
20	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.	QCVN 01: 2021/BXD
21	Cáp điện lực đi ngầm trong đất- Phương pháp lắp đặt	TCVN 7997: 2009
22	Tiêu chuẩn thiết kế- Chiếu sáng nhân tạo đường, đường phố, quảng trường đô thị	TCXD 259-2001
23	Các tiêu chuẩn, quy phạm hiện hành có liên quan.	

9. Tổng mức đầu tư (làm tròn): **48.950.941.000 đồng**, trong đó:

- Chi phí xây dựng: 39.098.282.000 đồng;
- Chi phí thiết bị: 78.181.200 đồng;
- Chi quản lý dự án: 905.303.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 2.677.429.000 đồng;
- Chi phí khác: 687.837.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 5.503.909.000 đồng.

10. Tiến độ thực hiện dự án: năm 2024 -2025.

11. Nguồn vốn đầu tư: sử dụng nguồn thu phí hoàn vốn cho dự án và cập nhật phương án tài chính của dự án.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án.

13. Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng: không thực hiện giải phóng mặt bằng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh:

Chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát chặt chẽ công tác triển khai thực hiện dự án của Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, phát huy hiệu quả đầu tư tránh lãnh phí.

2. Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

- Rà soát lại thực trạng công trình, giải pháp, phạm vi và khối lượng sửa chữa các hạng mục của dự án để đảm bảo chất lượng, hiệu quả. Trường hợp cần điều chỉnh dự án thì báo cáo Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định;

- Rà soát, bổ sung đầy đủ hệ thống an toàn giao thông trong đoạn tuyến (vạch sơn, biển báo hiệu, tiêu dẫn hướng, hộ lan tôn sóng, đinh phản quang vv...) nếu cần thiết, theo QCVN 41:2019/BGTVT để đảm bảo giao thông trên tuyến, nâng cao hiệu quả tổng thể của dự án;

- Trước khi thi công yêu cầu thiết kế chi tiết thành phần cấp phối bê tông nhựa để phù hợp với vật liệu, điều kiện khí hậu của khu vực và điều kiện khai thác của công trình tuân thủ theo các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

- Trong quá trình triển khai các bước tiếp theo tận dụng tối đa số liệu khảo sát bước lập dự án; khảo sát chi tiết hiện trạng, đánh giá tình hình, nguyên nhân hư hỏng để xác định phạm vi, khối lượng và quyết định giải pháp sửa chữa phù hợp, đảm bảo chất lượng công trình và hiệu quả kinh tế - kỹ thuật (lưu ý trong bước Báo cáo nghiên cứu khả thi, phạm vi, chiều sâu hư hỏng là dự kiến, trong bước tiếp theo căn cứ kết quả khảo sát để điều chỉnh cho phù hợp), khảo sát bổ sung số liệu tính toán làm cơ sở xác định chiều dày các lớp thảm; cập nhật đơn giá, định mức và các chi phí theo quy đinh hiện hành làm cơ sở phê duyệt dự toán, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí.

- Xây dựng biện pháp thi công phù hợp, đảm bảo an toàn, chất lượng và mỹ quan. Xác định vị trí bãi thải, mỏ vật liệu, vị trí trạm trộn BTN làm cơ sở xác định cự ly và cước vận chuyển phù hợp thực tế.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh, Chủ đầu tư, Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- C, PVP UBND tỉnh, Phòng TH, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(VAT).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Lương Trọng Quỳnh